

SOME EXPERIENCES IN CARRYING OUT THE PEOPLE'S WORK DURING THE VICTORY AT BA TƠ AND THE APPLICATION OF THE PARTY IN THE STRUGGLE AGAINST AMERICA FOR NATIONAL SALVATION ON THE B2 BATTLEFIELD

Thai Phi

Political Academy - Ministry of National Defense

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	14/5/2025	The work of mass mobilization has always played a key role in awakening the strength of the people, building a great national unity, and making significant contributions to the victories of the revolution throughout various periods. During the resistance war against the Americans for national salvation, the experiences in mass mobilization from the victory at Ba Tơ (March 11, 1945) were inherited and flexibly applied by the Party, becoming a decisive factor in mobilizing the entire population to participate in the resistance, defeating an opponent with superior military potential. Through the application of research methods such as historical, logical, synthetic, analytical, and comparative methods, the article clarifies the valuable experiences in mass mobilization at Ba Tơ and the Party's application during the resistance war against the Americans for national salvation on the B2 battlefield. The research results not only reflect the strategic vision of the Party but also affirm the special role of mass mobilization work in strengthening public trust and promoting the people's strength, while also providing practical suggestions for mass mobilization work in the current new context.
Revised:	23/8/2025	
Published:	23/8/2025	
KEYWORDS		
Some experiences		
Mass mobilization		
Victory at Ba Tơ		
The Party's application		
Resistance against the Americans for national salvation		

MỘT SỐ KINH NGHIỆM TIẾN HÀNH CÔNG TÁC DÂN VẬN TRONG CHIẾN THẮNG BA TƠ VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC TRÊN CHIẾN TRƯỜNG B2

Thái Phi

Học viện Chính trị - Bộ Quốc Phòng

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	14/5/2025	Công tác dân vận luôn giữ vai trò then chốt trong việc khơi dậy sức mạnh của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đóng góp quan trọng vào thắng lợi của cách mạng qua các thời kỳ. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, những kinh nghiệm về công tác dân vận từ chiến thắng Ba Tơ (11-3-1945) đã được Đảng kế thừa và vận dụng linh hoạt, trở thành yếu tố có tính quyết định trong việc huy động toàn dân tham gia kháng chiến, đánh bại một đối thủ vượt trội về tiềm lực quân sự. Thông qua việc vận dụng các phương pháp nghiên cứu như phương pháp lịch sử, logic, tổng hợp, phân tích và so sánh, bài viết đã làm rõ những kinh nghiệm quý báu trong công tác dân vận tại Ba Tơ và sự vận dụng của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường B2. Kết quả nghiên cứu không chỉ thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng mà còn khẳng định vai trò đặc biệt của công tác dân vận trong việc củng cố niềm tin, phát huy sức dân, đồng thời đưa ra những gợi mở thiết thực cho công tác dân vận trong bối cảnh mới hiện nay.
Ngày hoàn thiện:	23/8/2025	
Ngày đăng:	23/8/2025	
TỪ KHÓA		
Một số kinh nghiệm		
Dân vận		
Chiến thắng Ba Tơ		
Sự vận dụng của Đảng		
Kháng chiến chống Mỹ cứu nước		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12798>

Email: thaiphilq@gmail.com

<http://jst.tnu.edu.vn>

106

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Ba Tơ là một châu nằm ở Tây Nam tỉnh Quảng Ngãi, từ miền xuôi đi lên giáp Suối Loa, từ miền ngược đi xuống giáp núi Cao Muôn. Đây là một vùng rừng núi trùng điệp, địa thế rất hiểm trở. Ba Tơ không chỉ là một danh lam thắng cảnh cho khách thập phương du ngoạn, mà còn là một vị trí chiến lược, một căn cứ địa quan trọng. Chính vì thế, thực dân Pháp đã xây đồn sơn phòng đóng giữ ở đây, ra sức vơ vét tàn bạo, nhân dân Ba Tơ phải sống trong cảnh đói khổ cùng cực, có lúc không còn muối ăn, phải lấy rễ tranh thay thế, chịu đựng biết bao thiếu thốn vật chất lẫn tinh thần. Tuy nhiên, chính trong gian khổ đó, tinh thần cách mạng của nhân dân nơi đây không bị dập tắt mà càng được hun đúc, nuôi dưỡng âm thầm ngày bùng cháy. Ngày 11-3-1945, cuộc khởi nghĩa Ba Tơ bùng nổ và giành thắng lợi nhanh chóng. Đây là một mẫu mực tiêu biểu về việc phát huy sức mạnh của nhân dân trong cách mạng. Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, giác ngộ quần chúng, gắn bó mật thiết với đời sống nhân dân, lực lượng cách mạng tại chỗ đã tập hợp được sức mạnh to lớn, biến lòng căm thù giặc và khát vọng độc lập của người dân thành hành động cụ thể. Từ thắng lợi này, nhiều bài học quý báu đã được rút ra, đặc biệt là bài học về công tác vận động quần chúng. Bài học đó tiếp tục được Đảng ta vận dụng một cách sáng tạo và hiệu quả trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường B2, góp phần làm nên thắng lợi vĩ đại của dân tộc vào mùa xuân năm 1975.

Thời gian qua đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến công tác dân vận trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, cũng như trong kháng chiến chống Mỹ, tiêu biểu có các công trình như: Tác giả Khuất Thị Hoa [1] đã trình bày một cách hệ thống và sâu sắc các quan điểm, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chiến lược đại đoàn kết dân tộc, được vận dụng hiệu quả trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Tác giả Nguyễn Thị Lan [2] đã làm rõ quá trình Đảng bộ Liên khu Việt Bắc tổ chức thực hiện công tác dân vận trong kháng chiến chống Pháp, qua đó khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi [3] đã tái hiện quá trình hình thành, phát triển của phong trào vũ trang đầu tiên ở miền Trung, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng và tinh thần yêu nước của nhân dân Quảng Ngãi. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi [4] đã khẳng định chiến thắng Ba Tơ năm 1945 là mốc son mở đầu cho phong trào khởi nghĩa vũ trang ở miền Trung, góp phần quan trọng vào tổng khởi nghĩa Tháng Tám, thể hiện tinh thần cách mạng kiên cường của quân và dân Quảng Ngãi. Tác giả Dương Xuân Ngọc [5] khẳng định rằng công tác dân vận giữ vai trò chiến lược quan trọng trong toàn bộ tiến trình cách mạng của Đảng, từ giai đoạn đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước, đến thời kỳ đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Tác giả Phạm Thị Phương Thúy [6] cũng làm rõ tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và nỗ lực bền bỉ của nhân dân miền Bắc trong việc vừa khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội ở hậu phương, vừa tích cực đóng góp sức người, vật chất để chi viện cho chiến trường miền Nam. Tác giả Trần Thanh Thủy [7] không chỉ làm nổi bật tinh thần đấu tranh kiên cường của nhân dân Trị - Thiên mà còn khẳng định vai trò quan trọng của công tác vận động quần chúng trong việc huy động sức mạnh toàn dân, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tác giả Bùi Thị Thu Hà [8] đã khẳng định rằng việc vận động hiệu quả đồng bào tham gia đấu tranh là yếu tố then chốt để tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tác giả Võ Văn Sen [9] không chỉ khẳng định vai trò to lớn của đồng bào Khmer mà còn làm nổi bật tầm quan trọng của công tác vận động quần chúng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Tác giả Đặng Thị Kim Oanh [10] đã phân tích và làm rõ vai trò của cộng đồng người Khmer ở Nam Bộ trong phong trào cách mạng, qua đó nhấn mạnh trong quá trình lãnh đạo, Đảng đã chú trọng đến công tác xây dựng khối đoàn kết Việt - Khmer, thông qua nhiều hình thức vận động phù hợp đã lôi cuốn và tập hợp đông đảo đồng bào Khmer tham gia cách mạng.

Các công trình nêu trên đã góp phần làm sáng tỏ vai trò, vị trí của công tác dân vận trong chiến tranh cách mạng, đồng thời phản ánh quá trình tổ chức thực hiện công tác dân vận ở một số địa phương trong thời kỳ kháng chiến. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu một

cách hệ thống, toàn diện về một số kinh nghiệm tiến hành công tác dân vận trong Chiến thắng Ba Tơ và sự vận dụng những kinh nghiệm đó trong lãnh đạo kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng. Do đó, bài viết này tập trung phân tích một số kinh nghiệm tiến hành công tác dân vận trong chiến thắng Ba Tơ và sự vận dụng của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để làm sáng rõ vấn đề một số kinh nghiệm tiến hành công tác dân vận trong chiến thắng Ba Tơ và sự vận dụng của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Phương pháp lịch sử được sử dụng để tái hiện quá trình tiến hành công tác dân vận trong chiến thắng Ba Tơ thông qua các văn kiện của Đảng và Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Phương pháp logic được áp dụng để khái quát, phân tích làm rõ các kinh nghiệm rút ra từ quá trình tiến hành công tác dân vận ở Ba Tơ và sự vận dụng của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Ngoài ra, tác giả sử dụng các phương pháp khác như tổng hợp, đánh giá để phân tích nội dung làm rõ sự vận dụng của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Một số kinh nghiệm tiến hành công tác dân vận trong chiến thắng Ba Tơ (11-3-1945)

Năm 1945, tình hình thế giới và trong nước có những biến chuyển lớn lao, tạo nên bước ngoặt quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Trên thế giới, phát xít Đức đang suy yếu nghiêm trọng, còn tại châu Á, phát xít Nhật tăng cường kiểm soát Đông Dương, lật đổ chính quyền thực dân Pháp bằng cuộc đảo chính ngày 09-3-1945. Sự kiện này đã làm thay đổi cục diện chính trị ở Đông Dương, đồng thời mở ra thời cơ thuận lợi cho cách mạng Việt Nam phát triển mạnh mẽ và chuyển sang giai đoạn tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Ở Việt Nam, nhân dân phải chịu cảnh áp bức, bóc lột tàn bạo từ cả thực dân Pháp lẫn phát xít Nhật. Đặc biệt, nạn đói năm 1945 đã cướp đi sinh mạng của hơn 2 triệu người, đã làm gia tăng mạnh mẽ sự bất bình, phản kháng trong các tầng lớp nhân dân đối với chế độ thực dân, phong kiến đương thời. Trong bối cảnh ấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, nhiều phong trào đấu tranh cách mạng đã diễn ra mạnh mẽ, chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn quốc.

Khu vực miền núi Quảng Ngãi, đặc biệt là Ba Tơ - nơi sinh sống của đồng bào dân tộc Hrê và các dân tộc thiểu số khác. Trước Cách mạng Tháng Tám, khu vực này chịu sự áp bức nặng nề của chế độ thực dân phong kiến. Nhận được tin Nhật đảo chính Pháp, trưa ngày 10-3-1945, Tỉnh ủy lâm thời mở cuộc họp bất thường tại dốc Ông Tài, cách đèo Ba Tơ 700 mét gồm 5 đồng chí: Trương Quang Giao, Trần Quý Hai, Trần Lương, Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn. Hội nghị quyết định “Trước hết khẩn trương huy động lực lượng khởi nghĩa ở Ba Tơ, tiếp theo phát động khởi nghĩa ở đồng bằng để phối hợp với phong trào miền núi, đồng thời buộc địch phải phân tán đối phó. Nơi nào chưa đủ điều kiện thì vũ trang tuyên truyền phát động quần chúng, xây dựng lực lượng, xây dựng đội du kích, xây dựng chiến khu chống Nhật” [3, tr.55]. Căn cứ vào chủ trương “Khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành được thắng lợi mà mở đường cho tổng khởi nghĩa to lớn” [11, tr.131-132] trong Nghị quyết Trung ương 8, Hội nghị đi đến nhất trí: “Phát động quần chúng xây dựng và phát triển cơ sở, căn cứ, chớp thời cơ tiến hành khởi nghĩa từng phần ở những nơi có điều kiện” [4, tr.120-121]. Vào 17 giờ ngày 11-3-1945, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đồng chí Phạm Kiệt, nhân dân huyện Ba Tơ (Quảng Ngãi) đã nổi dậy giành chính quyền, suốt đêm ấy quân khởi nghĩa chia nhau canh gác bảo vệ trật tự an ninh và cho người đi báo tin thắng lợi khắp các buôn làng trong vùng. Ngày 12-3-1945, Đội du kích Ba Tơ được thành lập gồm 17 chiến sĩ [12, tr.47]. Sau đó, đội phát động nhân dân nổi dậy, phá kho thóc của Nhật chia cho dân, tổ chức sản xuất, bảo vệ mùa màng và củng cố chính quyền cách mạng. Đội du kích Ba Tơ không chỉ trở thành lực lượng nòng cốt chống lại thực dân và phát xít mà còn là tiền thân của lực lượng vũ trang cách mạng miền Trung trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, huy động quần chúng, gắn bó với đời sống nhân dân, phong trào

khởi nghĩa tại Ba Tơ đã giành được thắng lợi lớn, đặt nền móng cho các phong trào du kích sau này. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công” [13, tr.234]. Kinh nghiệm tiến hành công tác dân vận trong chiến thắng Ba Tơ được thể hiện trên một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền, vận động và giác ngộ quần chúng, khơi dậy ý chí cách mạng

Công tác tuyên truyền, giác ngộ quần chúng đóng vai trò tiên quyết trong việc khơi dậy ý chí cách mạng và tập hợp lực lượng nhân dân, tạo tiền đề cho cuộc khởi nghĩa thành công. Trong bối cảnh thực dân Pháp và phát xít Nhật thống trị, áp bức nặng nề, người dân vùng Ba Tơ - chủ yếu là đồng bào dân tộc Hrê và Cor - sống trong cảnh nghèo đói, lạc hậu, bị bóc lột tàn nhẫn. Trước tình hình đó, Đảng và các cán bộ cách mạng đã nhận thức sâu sắc rằng, muốn giành được thắng lợi, cần phải “tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Mặt trận Việt Minh vào quần chúng, thức tỉnh quần chúng, làm cho quần chúng thấy được con đường đấu tranh giành quyền lợi chân chính và bức thiết của mình” [3, tr.166]. Các cán bộ đã triển khai tuyên truyền với nhiều hình thức linh hoạt và sáng tạo, phù hợp với điều kiện địa phương. Thông qua các buổi họp bí mật trong nhà dân, trò chuyện trực tiếp với từng nhóm nhỏ và đặc biệt tận dụng vai trò của các già làng, trưởng bản - những người có uy tín và ảnh hưởng lớn trong cộng đồng. Theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (5-1941), công tác tuyên truyền cần tập trung giải thích một cách dễ hiểu về tình hình đất nước, vạch trần bản chất bóc lột, đàn áp của thực dân Pháp và phát xít Nhật, đồng thời khơi dậy lòng căm thù giặc và tinh thần yêu nước của quần chúng. Các cán bộ cách mạng đã cụ thể hóa thông điệp bằng cách kể những câu chuyện thực tế, như việc phát xít Nhật thu vét lương thực, đẩy nhân dân vào nạn đói thảm khốc; những vụ đàn áp dã man của chính quyền thực dân; hay cảnh người dân phải chịu khổ cực trên chính quê hương mình. Những câu chuyện này không chỉ làm sáng tỏ lý do phải đấu tranh mà còn khơi dậy lòng tự tôn dân tộc và khát vọng giải phóng quê hương. Ngoài ra, để tránh sự phát hiện của kẻ thù, công tác tuyên truyền được tiến hành bí mật, tập trung vào từng nhóm nhỏ. Đội ngũ cán bộ cách mạng đã tận dụng mọi cơ hội, kể cả trong các buổi lao động, làm nương rẫy hay những dịp lễ hội địa phương, để truyền đạt thông điệp cách mạng. Sự gần gũi, chân thành của cán bộ cách mạng đã làm tăng thêm lòng tin của nhân dân, giúp họ nhận thức rõ rằng cách mạng chính là lực lượng đại diện cho quyền lợi của mình.

Kết quả của công tác tuyên truyền là tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh của nhân dân Ba Tơ được khơi dậy mạnh mẽ, từ chỗ bị áp bức, chịu đựng, nhân dân đã chuyển sang thể chủ động tham gia cách mạng, “nhân dân các dân tộc thiểu số có lòng căm thù giặc sâu sắc, sẵn sàng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền” [14, tr.128]. Như Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) đã khẳng định: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, thành công của công tác tuyên truyền tại Ba Tơ chính là minh chứng rõ rệt cho chân lý đó. Nhân dân không chỉ hiểu rõ lý do phải đấu tranh mà còn nhận thức sâu sắc rằng, cuộc đấu tranh này là của chính họ, vì lợi ích của họ. Đây chính là nguồn sức mạnh to lớn, giúp cuộc khởi nghĩa Ba Tơ giành thắng lợi vang dội, đồng thời để lại bài học quý báu về công tác dân vận trong các cuộc đấu tranh tiếp theo của cách mạng Việt Nam.

Thứ hai, phát huy được sức mạnh toàn dân, phát huy khối đại đoàn kết dân tộc trong đấu tranh cách mạng

Trong chiến thắng Ba Tơ ngày 11-3-1945, việc huy động sức mạnh toàn dân và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc đã trở thành nhân tố quyết định thắng lợi. Vùng đất Ba Tơ khi ấy là nơi sinh sống chủ yếu của đồng bào dân tộc Hrê và Cor, những người phải chịu đựng sự bóc lột tàn bạo từ thực dân Pháp và phát xít Nhật. Tuy nhiên, do sống rải rác và chịu nhiều áp bức, người dân nơi đây chưa đủ sức đứng lên đấu tranh tự phát. Trước thực trạng này, Đảng và các cán bộ cách mạng nhận thức rằng: “Hơn lúc nào hết, đồng bào Kinh, Thượng hãy mau đoàn kết lại, không phân biệt gái, trai, già trẻ, không phân biệt giàu nghèo, không phân biệt tôn giáo hãy chung lưng đấu cật góp tài, góp sức tham gia vào cuộc cách mạng đem lại độc lập cho nước nhà” [14, tr.126].

Công tác vận động quần chúng được triển khai mạnh mẽ và đồng bộ, với mục tiêu mở rộng và đa dạng hóa lực lượng tham gia cách mạng. Thanh niên, với lòng nhiệt huyết và tinh thần chiến

đầu cao, được tổ chức thành các đơn vị chiến đấu trực tiếp, nổi bật là Đội du kích Ba Tơ - lực lượng quân sự cách mạng đầu tiên ở miền Trung. Phụ nữ, trong vai trò hậu phương vững chắc, đảm nhận những nhiệm vụ thiết yếu nhưng thâm lặng, như cung cấp lương thực, chăm sóc thương binh, làm giao liên và bảo vệ các bí mật cách mạng. Những người phụ nữ Hre và Cor đã không ngại khó khăn, hiểm nguy, tận tụy với công việc của mình, góp phần tạo nên sự bền vững cho phong trào. Người già, đặc biệt là các già làng, trưởng bản - họ không chỉ động viên con cháu tham gia lực lượng du kích mà còn trực tiếp thuyết phục cộng đồng ủng hộ cách mạng. Những lời kêu gọi từ các già làng không chỉ là mệnh lệnh mà còn là lời hứa cho một tương lai tốt đẹp hơn dưới ánh sáng của cách mạng. Nông dân - lực lượng đông đảo nhất và chịu sự áp bức nặng nề nhất đã trở thành chỗ dựa vững chắc cho cách mạng. Họ đóng góp sức người, sức của cho phong trào, cung cấp lương thực và bảo vệ các căn cứ bí mật. Những đóng góp này không chỉ là sự hỗ trợ vật chất mà còn thể hiện tinh thần đoàn kết, lòng tin tưởng tuyệt đối vào cách mạng. Đặc biệt trong công tác dân vận tại Ba Tơ là Đảng đã phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, phù hợp với từng đối tượng, đảm bảo huy động tối đa mọi nguồn lực. Đồng thời, tinh thần bình đẳng giữa các dân tộc, sự tôn trọng văn hóa truyền thống và phong tục tập quán địa phương được đặt lên hàng đầu. Các giá trị văn hóa bản địa như tinh thần tương thân tương ái và lòng nhân ái, được tận dụng triệt để để kết nối các thành viên trong cộng đồng, tạo nên một khối đoàn kết bền vững.

Kết quả là, nhân dân Ba Tơ không chỉ đồng lòng ủng hộ cách mạng mà còn chủ động tham gia, trở thành lực lượng không thể thiếu trong cuộc đấu tranh, “các làng thuộc xã Ba Động, Ba Đình và nhiều xã vùng cao tổ chức ăn thề, nguyện cùng nhau đoàn kết, giữ vững lòng trung thành với cách mạng” [14, tr.127] và “chỉ trong vòng nửa ngày mà đã động viên, tập hợp được hàng vạn người biểu tình thị uy chung quanh đồn Ba Tơ, biểu dương một sức mạnh vô địch mà kẻ thù phải khiếp sợ” [3, tr.167]. Chiến thắng Ba Tơ là minh chứng hùng hồn cho sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, một bài học lớn về dân vận trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, thể hiện đúng chân lý “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công” [15, tr.119] mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định.

Thứ ba, luôn gắn bó mật thiết, chăm lo đời sống của nhân dân

Một điểm nổi bật trong công tác dân vận tại Ba Tơ chính là sự gắn bó mật thiết với nhân dân và chăm lo đến đời sống của họ, đặc biệt trong hoàn cảnh khó khăn cùng cực dưới ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Vào thời điểm đó, đồng bào Hre và Cor ở Ba Tơ phải đối mặt với cảnh sống đầy khổ cực, đất đai bị tước đoạt, lương thực bị cưỡng đoạt để phục vụ chiến tranh, khiến nhiều gia đình lâm vào tình cảnh đói khát triền miên.

Trước thực trạng ấy, các cán bộ cách mạng xác định rằng sự đồng hành với nhân dân và cải thiện đời sống của họ là nhiệm vụ quan trọng để khơi dậy tinh thần đấu tranh và “muốn xây dựng lực lượng vũ trang phải đi đúng đường lối quần chúng, nắm vững chính sách dân tộc của Đảng” [3, tr.169]. Họ không chỉ tuyên truyền lý tưởng cách mạng mà còn trực tiếp hòa mình vào đời sống của đồng bào, sống và lao động cùng dân, chia sẻ những nỗi lo thường nhật. Trên các cánh đồng và nương rẫy, các cán bộ hướng dẫn nhân dân cách canh tác hiệu quả, bảo vệ mùa màng khỏi sự vơ vét của phát xít Nhật. Họ tổ chức các buổi trò chuyện không chỉ để nói về độc lập, tự do mà còn để cùng nhân dân tìm giải pháp cải thiện đời sống như cách có thêm lương thực, chăm sóc sức khỏe gia đình và giữ vững tinh thần trước áp lực từ kẻ thù. Đặc biệt, các cán bộ đã khéo léo vận động người dân dự trữ lương thực một cách an toàn. Họ hướng dẫn từng gia đình giấu lương thực trong hầm ngầm hoặc chuyển vào rừng để tránh sự thu vét của kẻ địch. Đây không chỉ là biện pháp bảo vệ tài sản của người dân mà còn đảm bảo nguồn lương thực cần thiết cho lực lượng cách mạng khi khởi nghĩa. Đồng thời, những phong tục tập quán tốt đẹp của đồng bào dân tộc, như tinh thần đoàn kết và tương thân tương ái, được các cán bộ phát huy tối đa. Những gia đình có điều kiện sẵn sàng chia sẻ lương thực với các gia đình khó khăn, tạo nên một cộng đồng gắn bó, đoàn kết mạnh mẽ. Đáng chú ý, các cán bộ cách mạng luôn chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào Hre và Cor. Họ tôn trọng phong tục, tín ngưỡng và ngôn ngữ của đồng bào, giúp nhân dân nhận thấy rằng cách mạng không phá vỡ mà trái lại, chính là lực lượng bảo vệ, làm

giàu thêm những bản sắc văn hóa ấy và "...toàn bộ tài sản tịch thu được của địch chia hết cho dân, không giữ lại cả một ít gạo để ăn. Bữa ăn trước khi lên đường cũng lại do nhân dân ủng hộ. Điều đó khiến nhân dân vô cùng cảm kích, quyết ủng hộ cách mạng tới thành công" [16, tr.384].

Kết quả là, toàn thể nhân dân vùng Ba Tư đã đồng lòng dốc sức cho cuộc khởi nghĩa, "dù trong hoàn cảnh địch đàn áp dã man, nhân dân vẫn một lòng đi theo cách mạng,... được nhân dân che chở, chỉ đường, tiếp tế" [3, tr.169]. Đồng bào người Thượng coi cán bộ cách mạng và Đội du kích Ba Tư là của họ, vì họ mà chiến đấu, hoạt động nên đã hết lòng ủng hộ. "Đồng bào miền núi tay khua mạnh giáo mác, miệng thét vang cả một góc trời: Cách mạng tốt lắm, cách mạng tốt lắm! Cách mạng tốt lắm, cách mạng tốt lắm!..." [17, tr.55]. Chiến thắng Ba Tư đã khẳng định một chân lý quan trọng: sự gắn bó mật thiết giữa cách mạng và nhân dân chính là chìa khóa để huy động sức mạnh quần chúng. Khi nhân dân cảm nhận được rằng cách mạng đồng hành cùng họ, chăm lo cho họ, thì họ sẽ sẵn sàng hy sinh, cống hiến hết mình vì mục tiêu chung. Đây cũng là tư tưởng xuyên suốt trong đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, thể hiện rõ trong lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì có hại cho dân, ta phải hết sức tránh" [18, tr.65]. Chính sự gắn bó, chăm lo đời sống nhân dân đã tạo nên sức mạnh vô địch, giúp cách mạng vượt qua mọi khó khăn, thử thách để giành thắng lợi.

Thứ tư, luôn phát huy tốt vai trò của đội ngũ cán bộ dân vận

Trong chiến thắng Ba Tư ngày 11-3-1945, việc phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ dân vận và chính quyền địa phương là một yếu tố quyết định, góp phần vào sự thành công của cuộc khởi nghĩa. Đội ngũ cán bộ dân vận từ Trung ương đến địa phương, đã thể hiện sự nhạy bén, sáng tạo và khả năng tổ chức, lãnh đạo trong công tác vận động quần chúng. Họ không chỉ có nhiệm vụ tuyên truyền lý tưởng cách mạng, mà còn phải nắm vững tình hình thực tế, hiểu rõ đời sống, tâm tư nguyện vọng của nhân dân để có những biện pháp vận động phù hợp, tạo dựng niềm tin vững chắc trong lòng dân. Cán bộ dân vận đã đi đến tận các bản làng, tiếp xúc trực tiếp với các gia đình, các tầng lớp nhân dân, từ những người già đến thanh niên, từ phụ nữ đến trẻ em. Họ sống cùng dân, ăn cùng dân, lao động cùng dân, từ đó nắm bắt được những khó khăn, vất vả mà đồng bào phải đối mặt dưới sự áp bức của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Việc tiếp xúc thân mật này giúp cán bộ dân vận thấu hiểu nguyện vọng của nhân dân và vận dụng các phương pháp tuyên truyền, giáo dục để khơi dậy tinh thần yêu nước, ý thức đấu tranh giành độc lập cho dân tộc. Không chỉ tuyên truyền, đội ngũ cán bộ dân vận còn đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ nhân dân trong các công tác sinh hoạt hàng ngày, nhất là trong việc bảo vệ mùa màng, bảo đảm lương thực cho nhân dân.

Vai trò của cán bộ dân vận còn thể hiện trong việc xây dựng các mối quan hệ cộng đồng, khơi dậy tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong những thời điểm khó khăn. Họ đã phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, giúp nhân dân vượt qua sự chia rẽ, phân tán vốn có do sự áp bức của địch. Cán bộ dân vận không chỉ dạy dân cách sản xuất mà còn khơi dậy trong họ tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái. Nhờ sự lãnh đạo của chính quyền địa phương và sự phối hợp của đội ngũ cán bộ dân vận, các phong trào quần chúng đã diễn ra rộng rãi, từ việc giúp đỡ gia đình chính sách, các thương binh, đến việc bảo vệ và hỗ trợ lực lượng du kích. Các cuộc họp bí mật, các cuộc tiếp xúc với các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là tầng lớp thanh niên, được tổ chức hiệu quả, nhằm tạo ra một phong trào đấu tranh mạnh mẽ, có sự tham gia của đông đảo quần chúng, "Đồng bào đã cùng Đội làm lễ ăn thề theo phong tục "cúng trời, cúng đất" cùng nhau đánh Nhật, đuổi Tây, nếu ai làm sai lời thề sẽ bị cách mạng, nhân dân và "Giàng" xử phạt" [3, tr.81]. Điều đặc biệt trong chiến thắng Ba Tư đó là đội ngũ cán bộ dân vận đã tạo dựng được một mạng lưới thông tin hiệu quả. Các cán bộ dân vận đã giúp đỡ nhân dân trong việc xây dựng hệ thống giao liên, bảo vệ thông tin bí mật của cách mạng, "Mặc dù bọn Nhật biết rõ du kích đang hoạt động, nhiều lần chúng truy lùng, tìm cách đánh phá, cắt nguồn tiếp tế nhưng chúng đều bị bắt lửng" [3, tr.92]. Đồng thời, họ cũng giúp nhân dân nhận thức rõ về sự cần thiết của cuộc khởi nghĩa, sự ủng hộ của quần chúng là yếu tố quyết định đến thành công của cuộc đấu tranh. Nhờ sự lãnh đạo đúng đắn, sự phối hợp nhịp nhàng giữa các lực lượng cách mạng, chính

quyền địa phương và cán bộ dân vận, cuộc khởi nghĩa Ba Tơ đã đạt được thắng lợi vang dội, mở ra một bước ngoặt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và phát xít Nhật.

Chiến thắng Ba Tơ không chỉ là một chiến công quân sự mà còn là minh chứng cho sự thành công của công tác dân vận. Qua đó, lực lượng cách mạng đã xây dựng được mối liên kết chặt chẽ giữa Đảng, quân đội và nhân dân, tạo nền tảng vững chắc cho các phong trào kháng chiến sau này.

3.2. Sự vận dụng của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường B2

Sau Hiệp định Genevơ (1954), đất nước bị chia cắt làm hai miền. Mỹ ủng hộ chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện các chính sách khủng bố, đàn áp cách mạng tại miền Nam. Đặc biệt, trên chiến trường B2 là địa bàn bao gồm các tỉnh Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ, giữ một vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, không chỉ vì đây là nơi trực tiếp đối đầu với quân đội Mỹ và chính quyền Sài Gòn, mà còn bởi vì đây là trung tâm của các chiến dịch bình định, lấn chiếm, gom dân lập ấp do kẻ thù tiến hành với quy mô lớn, liên tục và ác liệt. Mỹ và tay sai coi B2 là “mặt trận sống còn”, tìm mọi cách chia cắt lực lượng, cô lập phong trào cách mạng với quần chúng, triệt tiêu cơ sở chính trị. Do đó, chiến trường B2 vừa là tuyến đầu quân sự - chính trị, vừa là địa bàn thử thách ý chí cách mạng, sức sống của lực lượng kháng chiến miền Nam. Trong bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm từ công tác dân vận trong chiến thắng Ba Tơ để lãnh đạo nhân dân vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách. Đảng nhận thức rõ rằng để chiến thắng kẻ thù mạnh, cần phải xây dựng một mặt trận vững chắc, trong đó sức mạnh của nhân dân là yếu tố quyết định. Dựa trên nguyên lý “lấy dân làm gốc”, Đảng đã tập trung xây dựng mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của họ, tạo nên sự đoàn kết, đồng lòng trong công cuộc kháng chiến.

Trước hết, luôn kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền, vận động và giác ngộ quần chúng, khơi dậy ý chí cách mạng

Đảng đã chủ động tuyên truyền, giác ngộ quần chúng, khơi dậy tinh thần yêu nước và ý chí chiến đấu kiên cường của nhân dân, nhất là ở các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Các cán bộ dân vận được cử đi khắp các địa phương, trực tiếp tiếp xúc với bà con, giải thích rõ mục tiêu và lý do của cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước. Từ đó, người dân hiểu rõ cuộc kháng chiến là chính nghĩa, là cuộc đấu tranh để bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc, không chỉ vì lợi ích của Đảng mà còn vì lợi ích của chính bản thân họ và thế hệ con cháu mai sau. Công tác tuyên truyền không chỉ dừng lại ở việc giải thích lý thuyết mà còn được áp dụng linh hoạt vào từng hoàn cảnh cụ thể của từng địa phương, từ các buổi sinh hoạt, các cuộc mít tinh, đến các hình thức truyền thông qua các tổ chức quần chúng, các đài phát thanh, báo chí cách mạng. Nhờ đó, nhân dân không chỉ tin tưởng vào Đảng mà còn tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh giành độc lập, phát huy vai trò chủ động trong cuộc chiến. Công tác tuyên truyền và giáo dục quần chúng trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ được Đảng triển khai với quy mô lớn, đặc biệt là việc sử dụng các phương tiện thông tin như báo chí, truyền thanh, đài phát thanh để đưa thông tin về tình hình chiến sự và mục tiêu cách mạng đến với toàn thể nhân dân. Đặc biệt, trong giai đoạn 1965-1975, Đảng đã tổ chức hàng nghìn cuộc mít tinh, hội thảo và các buổi sinh hoạt cộng đồng ở các vùng nông thôn, khu vực căn cứ, giúp bà con hiểu rõ mục đích và lý do của cuộc chiến. Thông qua đó, một phần lớn nhân dân đã được giác ngộ về mục tiêu giành độc lập, tự do cho dân tộc, “thực hiện khẩu hiệu “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”. Kết quả là trong các năm 1973-1975, gần 50 vạn thanh niên miền Bắc đã gia nhập quân đội; hơn 30.000 công nhân và thanh niên xung phong được điều thêm vào mặt trận mở đường Trường Sơn...” [19, tr.105].

Thứ hai, luôn xây dựng và phát huy tốt vai trò của đội ngũ cán bộ dân vận

Đảng đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng và phát huy vai trò của các đội ngũ cán bộ dân vận ở cơ sở. Những cán bộ dân vận được đào tạo bài bản, có khả năng làm việc sát sao với quần chúng nhân dân, giải quyết những khó khăn trong đời sống vật chất và tinh thần của họ. Các đội ngũ cán bộ này không chỉ có nhiệm vụ tuyên truyền lý tưởng cách mạng mà còn hỗ trợ nhân dân trong các công tác thiết thực như xây dựng các khu vực phòng thủ, bảo vệ cơ sở cách mạng, đồng

thời tổ chức các hoạt động sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân, nhất là trong bối cảnh chiến tranh khốc liệt. Họ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức các phong trào thanh niên, phụ nữ, nông dân tham gia vào cuộc chiến, giúp đỡ lực lượng bộ đội trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Việc phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ dân vận đã góp phần tạo dựng niềm tin sâu sắc giữa Đảng và nhân dân, đồng thời tạo ra một lực lượng tinh thần hùng hậu, góp phần trực tiếp vào thắng lợi cuối cùng. Riêng Khu ủy Tây Nam Bộ trong năm 1964 đã mở 2 khóa đào tạo được 289 lượt học viên. Các trường đào tạo cán bộ ở các tỉnh trên địa bàn đã mở 17 khóa đào tạo, bồi dưỡng chính trị cho 1.183 cán bộ đoàn thể từ cấp huyện đến cấp cơ sở. Đầu năm 1965, Trường Đảng của Khu đã đào tạo, bồi dưỡng các hệ sơ cấp và trung cấp cho 774 cán bộ các ban, ngành từ cấp Khu đến cơ sở. Các ban đảng, ngành dân vận cũng mở nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, đảng viên [20, tr.3].

Thứ ba, luôn phát huy được sức mạnh toàn dân, phát huy khối đại đoàn kết dân tộc trong đấu tranh cách mạng

Một trong những bài học quan trọng từ công tác dân vận trong chiến thắng Ba Tư mà Đảng đã vận dụng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường B2 là việc phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc. Đảng đã kết hợp hài hòa giữa sức mạnh của các lực lượng cách mạng, các đảng viên, bộ đội và nhân dân, đồng thời tổ chức các lực lượng quần chúng như thanh niên, phụ nữ, công nhân, nông dân tham gia vào các phong trào cách mạng. Đặc biệt, Đảng đã chú trọng đến việc xây dựng các phong trào quần chúng mạnh mẽ trong các giai cấp, tạo ra một sức mạnh tổng hợp, không chỉ trong kháng chiến mà còn trong việc củng cố các cơ sở chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang, bảo vệ an ninh trật tự tại các địa phương. Các tổ chức như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã phối hợp chặt chẽ với các tổ chức khác để phát huy tinh thần đoàn kết dân tộc. Một trong những thành tựu quan trọng là sự tham gia của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, Tây Bắc, đồng bằng sông Cửu Long và đồng bào miền Trung. Trong đó, hơn 1 triệu đồng bào dân tộc thiểu số tham gia vào các phong trào cách mạng, đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến, “năm 1959, miền Bắc đưa vào miền Nam 5.000 người, năm 1964 là 17.000 người, năm 1968 là 141.000 người, năm 1972 là 153.000 người, năm 1975 là 117.000 người” [21, tr.229]. Quân và dân miền Nam từ năm 1961 đến năm 1975 đã tiêu diệt 58.191 quân Mỹ, tiêu diệt, bắt và làm bị thương 4.251.300 quân ngụy [22, tr.565]. Việc huy động và phát huy vai trò của các tầng lớp nhân dân trong cuộc kháng chiến đã giúp cho Đảng có được một nền tảng vững chắc để chống lại đế quốc Mỹ và đồng minh, giữ vững vị thế trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Tổng kết cuộc kháng chiến, Đại tướng Văn Tiến Dũng chỉ rõ: “Bí quyết ở đây là ta đã xây dựng sức mạnh tổng hợp; sức mạnh ấy được động viên và phát huy cao độ dưới sự chỉ đạo chiến lược tổng hợp. Phải chăng có thể xem đây là cái tinh hoa nhất trong nghệ thuật chỉ đạo cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta. Sức mạnh tổng hợp ấy bắt nguồn từ một cơ sở vững chắc vô tận là nhân dân, nói cụ thể hơn, là lòng dân và sức dân” [23, tr.488].

Đặc biệt, trong những năm tháng kháng chiến chống Mỹ, Đảng luôn duy trì và phát triển mối liên hệ chặt chẽ với các lực lượng chính trị, quân sự và nhân dân, tạo nên một hệ thống liên lạc, chỉ huy linh hoạt và hiệu quả. “Trong năm 1963, toàn miền Nam có 34 triệu lượt người tham gia đấu tranh chính trị” [21, tr.235], “Bộ đội chủ lực miền Bắc từ 16 vạn (năm 1960) tăng lên 27 vạn (năm 1965). Bộ đội địa phương tăng từ 18.000 (năm 1959) lên 46.000 (năm 1965). Năm 1962, có gần 1 triệu người đăng ký ngạch dự bị. Năm 1960, dân quân tự vệ có khoảng 1 triệu người, đến năm 1965 đã có gần 1,7 triệu người” [21, tr.227]. Các lực lượng này đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ cơ sở cách mạng, tổ chức các hoạt động du kích chiến, giúp đỡ các chiến sĩ bộ đội chủ lực trong chiến đấu. Ngoài ra, các tổ chức quần chúng như Hội Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cũng tham gia vào công tác hậu cần, vận chuyển vũ khí, lương thực, phục vụ chiến trường, bảo vệ các khu vực phòng thủ, xây dựng các công trình dân sinh. Đảng cũng không ngừng củng cố và xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở, bảo đảm họ có đủ năng lực để lãnh đạo quần chúng, đồng thời phối hợp với các tổ chức quần chúng để phát triển

lực lượng cách mạng ở mọi miền đất nước. Chỉ tính riêng “4 tháng đầu năm 1975, miền Bắc đã đưa vào miền Nam hơn 110.000 cán bộ, chiến sĩ, 230.000 tấn vật chất các loại. Trên 80% quân số, 81% vũ khí, 60% xăng dầu, 65% thuốc y tế, 85% xe vận tải sử dụng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 là từ miền Bắc đưa vào” [24, tr.177-178]. Đây chính là những yếu tố then chốt giúp cuộc kháng chiến chống Mỹ đạt được những thắng lợi quan trọng, từ chiến tranh du kích cho đến chiến thắng lịch sử ngày 30/4/1975.

Với sự vận dụng sáng tạo công tác dân vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã giúp Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng được một phong trào cách mạng rộng lớn và mạnh mẽ, phát huy được sức mạnh của toàn dân trong cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc. Đảng không chỉ lãnh đạo quân đội và nhân dân trong chiến đấu mà còn chăm lo đời sống nhân dân, xây dựng niềm tin, khơi dậy tinh thần đoàn kết, tạo sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, dẫn đến thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến.

4. Kết luận

Công tác dân vận là bài học xuyên suốt trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Từ chiến thắng Ba Tơ đến kháng chiến chống Mỹ, Đảng ta đã chứng minh rằng sức mạnh của nhân dân là nguồn lực to lớn nhất để làm nên chiến thắng. Những bài học từ công tác dân vận trong chiến thắng Ba Tơ không chỉ có ý nghĩa trong bối cảnh kháng chiến chống Mỹ mà còn là nền tảng quan trọng cho công tác dân vận trong các giai đoạn cách mạng tiếp theo. Tinh thần sáng tạo, kiên định, luôn gắn bó mật thiết với nhân dân, chăm lo đời sống và phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ dân vận là những giá trị cốt lõi mà Đảng đã vận dụng thành công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Từ đó, chúng ta có thể rút ra những kinh nghiệm quý báu cho công tác dân vận hiện nay, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. H. Khuat, “The implementation process of Ho Chi Minh's great unity strategy during the resistance war against French colonialism (1945-1954),” Doctoral thesis in history, Ho Chi Minh National Academy of Politics, 2000.
- [2] T. L. Nguyen, “Policies and directives of the Vietnam-Bac Region Party Committee on mass mobilization work (10/1949-7/1952),” *Party History Journal*, no. 3, pp. 106-112, 2025.
- [3] The Propaganda Department of the Quang Ngai Provincial Party Committee, *The Ba To Uprising and the Ba To Guerrilla Unit*. National Political Publishing House, Hanoi, 1995.
- [4] Provincial Party Committee of Quang Ngai, *History of the Provincial Party Committee of Quang Ngai (1930-1975)*. Truth National Political Publishing House, Hanoi, 2019.
- [5] X. N. Duong, “Views and guiding principles for conducting mass mobilization work according to Ho Chi Minh's ideology,” *Journal of Mass Mobilization*, no. 10, pp. 31-34, 2005.
- [6] T. P. T. Pham, “The Northern Rear in the Resistance Against America (1954-1968),” *Journal of Science, Dong Nai University*, no. 11, pp. 84-95, 2018.
- [7] T. T. Tran, “The political struggle movement in Tri-Thien during the resistance against American imperialism, period 1963-1965,” *Hue University Journal of Science*, no. 6C, pp. 77-92, 2018.
- [8] T. T. H. Bui, “The contributions of Hoa Hao Buddhist followers in the two resistance wars against the French and the Americans (1945-1975),” *Journal of Religious Studies*, no. 6, pp. 41-49, 2022.
- [9] V. S. Vo, “The mobilization of the Khmer people in the Southern region during the two resistance wars against the French and the Americans (1945-1975),” *Journal of Science and Technology Development*, vol. 13, no. X1, pp. 26-32, 2010.
- [10] T. K. O. Dang, “Contributions of the Khmer people in Saigon during the liberation war,” *Proceedings of the Scientific Conference on the Role of Ethnic Minorities in the Southeast and the Extreme South Central Region in the Liberation War (1945 - 1975)*. National Political Publishing House, Hanoi, 2004, pp. 553-561.
- [11] Communist Party of Vietnam, *Complete Party Documents*, vol. 7. National Political Publishing House, Hanoi, 2000.

-
- [12] The Standing Committee of the Party Committee and the Command of Military Region V, the Standing Committee of the Quang Ngai Provincial Party Committee, *History of the Ba To Guerrilla Unit (1945-1946)*. People's Army Publishing House, Hanoi, 2000.
- [13] *Complete Works of Ho Chi Minh*, vol. 6. National Political Truth Publishing House, Hanoi, 2011.
- [14] The Executive Committee of the Quang Ngai Provincial Party, *History of the Quang Ngai Provincial Party (1930-1975)*. Truth National Political Publishing House, Hanoi, 2019.
- [15] *Complete Works of Ho Chi Minh*, vol. 13. National Political Truth Publishing House, Hanoi, 2011.
- [16] Vietnam Military History Institute, *Vietnam Military History*, vol. 9. Truth National Political Publishing House, Hanoi, 2019.
- [17] K. Pham, *From the Ba To Mountains and Forests*. People's Army Publishing House, Hanoi, 1977.
- [18] *Complete Works of Ho Chi Minh*, vol. 4. Truth National Political Publishing House, Hanoi, 2011.
- [19] Central Propaganda Department, *The 80-Year History of the Propaganda Sector of the Communist Party of Vietnam (1930-2010)*. National Political Publishing House, Hanoi, 2010.
- [20] Southwestern Regional Party Committee, "Resolution of the First Conference on Party Building in the Western Region (January 1965)," Document archived at the Department of Science, Technology and Environment, Military Region 9 Command, reference: 04/1965-QK9, Can Tho, 1965.
- [21] V. T. Le and V. T. Nguyen, *The political thought "The People are the Root" in the history of Vietnam*. Truth National Political Publishing House, Hanoi, 2018.
- [22] The Steering Committee for the Summary of the War under the Political Bureau, *The Revolutionary War in Vietnam 1945-1975: Victories and Lessons*. Truth National Political Publishing House, Hanoi, 2000.
- [23] T. D. Van, *On the Resistance War Against America to Save the Nation*. People's Army Publishing House, Hanoi, 2005.
- [24] Ministry of Defense, Vietnam Military History Institute, *The Rear in the People's War of Vietnam (1954-1975)*. People's Army Publishing House, Hanoi, 1997.